

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 10 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07/02/2018

V/v:”Ly hôn giữa chị N và anh T

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn
2. Bà La Thị Sinh

-Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Tố Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở TAND huyện Thiệu Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2017/HNGĐ ngày 11/10/2017 về việc: “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07 /2017/QĐXX-ST ngày 05/01 /2018 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1992

Trú tại: Thôn Thái Ninh, xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa.

-Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng Anh T, sinh năm 1994

Trú tại : Thôn Đồng Chí, xã Thiệu Minh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa vắng mặt chị N, vắng mặt anh T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 11/048/2017 và được bổ sung bằng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án chị Lê Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Hoàng Anh T kết hôn với nhau vào ngày 20/01/2017 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiệu Minh, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 05 năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 05/2017 cho đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng luôn to tiếng, xúc phạm nhau, mâu thuẫn của vợ chồng tự hòa giải nhưng không có kết quả. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân

không đạt được nên chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hoàng Anh T.

Anh Nguyễn Hoàng Anh T thống nhất với chị N về thời điểm kết hôn, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng, thời điểm vợ chồng sống ly thân. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Hoàng Anh T chưa có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu tòa án xem xét.

Về tài sản riêng: Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, chị N có khai nại khi anh chị kết hôn bố mẹ chị có cho riêng chị 7 chỉ vàng ta(vàng 9999) trị giá 25.000.000đ. Nay ly hôn chị đề nghị tòa án buộc anh Tú phải có trách nhiệm trả lại cho chị số vàng trên trị giá tiền là 25.000.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh T không công nhận đang giữ của chị số vàng 7 chỉ mà chỉ công nhận đang giữ của chị 2 chỉ vàng. Nay ly hôn anh sẽ có trách nhiệm trả lại cho chị số vàng trên. Ngày 11/12/2017 chị N có đơn xin rút phần yêu cầu khởi kiện về tài sản.

Tại phiên tòa chị N có vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa. HĐXX nhận định.

[1]Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật đối với anh T nhưng anh T chỉ lên tự khai trình bày quan điểm của mình về phần hôn nhân và phần tài sản chung. Tòa án tổng đạt các thủ tục thông báo phiên họp và phiên hòa giải, đối chất hợp lệ nhưng anh T đều không có mặt, không có lý do chính đáng. Tại phiên tòa anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do chính đáng nên căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 227 tòa án vẫn xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa chị N đã được tòa án thông báo hợp lệ có đơn xin xử vắng mặt, căn cứ Khoản 1 Điều 228 tòa án xét xử vắng mặt chị N.

[2]Về hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Hoàng Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 20/01/2017 tại UBND xã Thiệu Minh là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được với nhau, anh chị đã sống ly thân từ tháng 5/ 2017 cho đến nay không ai quan tâm và có trách nhiệm với ai nữa. Nay chị N, anh T đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh, chị đề nghị tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của chị N, anh T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống

chung không thể kéo dài, yêu cầu của chị N, anh T là chính đáng, phù hợp pháp luật, căn cứ Điều 55 Luật HNGĐ chấp nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[3]Về con chung: Chị N, anh T chưa có con chung nên không xét.

[4]Về tài sản, công nợ chung: Anh T, chị N không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

Về tài sản riêng: Quá trình làm đơn khởi kiện chị N khai nại khi lấy anh T bố mẹ chị có riêng chị số vàng ta 9999 trị giá 25.000.000đ số vàng trên anh T đang giữ. Ngày 11/12/2017 chị N có đơn xin rút phần yêu cầu khởi kiện về tài sản nên tòa án không xem xét.

[5]Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51,55 Luật HNGĐ, Điểm b Khoản 2 Điều 277, Khoản 1 Điều 228, 238, 244, 271, 273 BLTTDS.

1.Về hôn nhân: Công nhận cho chị Lê Thị N và anh Nguyễn Hoàng Anh T được thuận tình ly hôn.

2.Đình chỉ phần đơn khởi kiện vụ án yêu cầu trả lại tài sản của chị N về số vàng ta 7 chỉ(vàng 9999) trị giá 25.000.000đ

4.Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 BLTTDS, Điều 6, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+Chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 930.000đ theo biên lai thu số AA/2014/0001247 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thiệu Hóa, chị N được nhận lại số tiền 630.000đ(Sáu trăm ba mươi ngàn đồng)

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị N, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Các đương sự
- VKSND huyện Thiệu Hóa
- Chi cục THA DS huyện Thiệu Hóa.
- UBND xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa.
- Lưu HS

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Quân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- Các đương sự
- VKSND huyện Thiệu Hóa
- Chi cục THA DS huyện Thiệu Hóa.
- UBND xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa.
- Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Văn Quân